

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng  
Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã An Nông, huyện Triệu Sơn  
(thay thế Quyết định số 7372/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của  
Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây Dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã An Nông, huyện Triệu Sơn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND xã An Nông về chủ trương đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã An Nông, huyện Triệu Sơn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 07/10/2021 của HĐND xã An Nông về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã An Nông, huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 321/TĐ-KTHT ngày 18/11/2021 và UBND xã An Nông tại Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 29/10/2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã An Nông, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

## 1. Khái quát về công trình:

Công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã An Nông, huyện Triệu Sơn được Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 với tổng dự toán là **14.774.380.000 đồng**.

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	11.315.163.000 đ
- Chi phí thiết bị	1.339.136.000 đ
- Chi phí QLDA	303.358.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	862.749.000 đ
- Chi phí khác	250.432.000 đ
- Chi phí dự phòng	703.542.000 đ

## 2. Lý do điều chỉnh, bổ sung:

Theo thiết kế BVTC được duyệt các tuyến đường nội bộ được thiết kế mặt đường bằng CPĐD và chưa có hệ thống cấp nước; để đáp ứng nhu cầu sử dụng sau này và tăng hiệu quả đầu tư của dự án thì cần hoàn thiện mặt đường, bổ sung hệ thống cấp nước. Mặt khác, tuyến mương thoát nước phía sau mặt bằng quy hoạch chưa đảm bảo yêu cầu thoát nước nên cần tăng kích thước mương.

## 3. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

### 3.1. Giao thông

a) Mặt đường:

Điều chỉnh kết cấu áo đường gồm các lớp từ trên xuống như sau:

- Kết cấu áo đường loại 1 (tuyến số 1)
- + Mặt đường bằng BTN C19 dày 7cm;
- + Lớp nhựa thấm bảm TCN 1kg/m<sup>2</sup>;
- + Lớp CPĐD loại I dày 15cm;
- + Lớp CPĐD loại II dày 20cm.
- Kết cấu áo đường loại 2 (tuyến số 2, 3, 4, 5, 6)
- + Mặt đường BTXM đá 1x2 M250 dày 20cm;
- + Lớp Ni lông chống mất nước;
- + Lớp móng CPĐD loại II dày 15cm.

Quy mô mặt cắt ngang, chiều dài, hướng tuyến giao thông giữ nguyên theo thiết kế được duyệt.

b) Lát vỉa hè, đan rãnh

- Vỉa hè: lát gạch Block tự chèn trên lớp cát tạo phẳng dày 5cm và bê tông M150 đá 4x6 dày 10cm.
- Đan rãnh: bằng BTXM M200 kích thước 300x400mm.

- Khóa hè: được xây bằng gạch không nung VXM M50, trát hoàn thiện bằng VXM M75.

### **3.2. Cấp nước - PCCC**

- Nguồn nước cấp cho toàn công trình được đầu nối từ tuyến ống cấp nước trên trục đường QL.47C. Nước được đầu nối từ tuyến ống D160 vào đường ống D110 PN12.5 lắp mới thuộc khu dự án. Mạng lưới đường ống phân phối được thiết kế mạch vòng khép kín chạy dọc theo các tuyến đường giao thông chính của khu vực dự án. Ống cấp nước sử dụng các tuyến ống D90, D75 được thiết kế mạch nhánh chạy dọc theo hai bên vỉa hè sử dụng ống HDPE PN10.

- Đường ống phân phối đặt trên vỉa hè và qua đường độ sâu đặt ống từ 0,4 - 0,7m tính đến đáy ống.

- Hồ van được bố trí tại các điểm nút để thuận tiện cho công tác vận hành và quản lý mạng lưới đường ống.

- Trên các tuyến ống chính đặt các họng cứu hỏa D100mm có bán kính phục vụ tối đa 120m. Bố trí tại các ngã ba, ngã tư đường để thuận tiện lấy nước khi có sự cố.

### **3.3. Điện hạ thế**

Thiết kế bổ sung ống HDPE D40/30 đặt chờ từ tủ công tơ về các lô đất quy hoạch.

### **3.4. Mương quy hoạch**

- Điều chỉnh kích thước mương BxH=1,0x0,8m; móng BTXM M150 dày 15cm, trên lớp đá dăm 4x6 dày 10cm; thành mương xây gạch đặc không nung VXM M50, trát thành trong VXM M75 dày 1,5cm; giằng mương BTXM M200, thanh chống BTCT M200.

- Các đoạn giao với các tuyến giao thông được thiết kế mương chịu lực, tấm đan BTCT M250, dày 15cm.

### **4. Dự toán điều chỉnh:**

Giá trị dự toán sau điều chỉnh: **19.707.734.000 đ.**

*(Mười chín tỷ, bảy trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	15.837.176.000 đ
- Chi phí thiết bị	1.339.136.000 đ
- Chi phí QLDA	411.763.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	1.121.950.000 đ
- Chi phí khác	294.166.000 đ
- Chi phí dự phòng	703.542.000 đ

*(có biểu chi tiết kèm theo)*

**5. Các nội dung khác:** Thực hiện theo Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt báo cáo

kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã An Nông, huyện Triệu Sơn.

**Điều 2.** Giao UBND xã An Nông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 7372/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Chủ tịch UBND xã An Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH

**CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ MỚI XÃ AN NÔNG,  
HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	Dự toán theo QĐ số 2030/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện	Điều chỉnh, bổ sung	Dự toán điều chỉnh
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>11.315.163.000</b>	<b>4.522.013.000</b>	<b>15.837.176.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	<b>1.339.136.400</b>		<b>1.339.136.400</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>303.358.068</b>	<b>108.404.984</b>	<b>411.763.053</b>
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ TTVĐT XD</b>	<b>862.748.543</b>	<b>259.201.785</b>	<b>1.121.950.328</b>
1	Khảo sát	69.269.000		69.269.000
2	Lập báo cáo KT-KT	401.774.006	143.573.913	545.347.919
3	Giám sát thi công xây dựng	289.328.718	115.627.872	404.956.590
4	Giám sát lắp đặt thiết bị	10.753.265		10.753.265
5	Thẩm tra thiết kế BVTC và DT	43.676.529		43.676.529
6	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	43.902.832		43.902.832
7	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu lắp đặt thiết bị	4.044.192		4.044.192
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>250.431.660</b>	<b>43.734.183</b>	<b>294.165.842</b>
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	1.403.566	468.669	1.872.235
2	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu thi công xây dựng	10.286.512		10.286.512
3	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu lắp đặt thiết bị	2.000.000		2.000.000
4	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	54.560.361		54.560.361
5	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	26.664.237	9.348.706	36.012.943
6	Kiểm toán	96.737.009	33.916.808	130.653.817
7	Chi phí nghiệm thu đóng điện	58.779.975		58.779.975
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>703.541.884</b>		<b>703.541.884</b>
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+...+VI)</b>	<b>14.774.380.000</b>	<b>4.933.354.000</b>	<b>19.707.734.000</b>

*Mười chín tỷ, bảy trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng./.*